TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Thi

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Bùi Thanh T; địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H; nơi cư trú cuối cùng: Thôn D, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là anh Bùi Thanh T trình bày:

Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 12/10/2012. Sau khi kết hôn hai bên về sống chung tại gia đình anh ở thôn D, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận

hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, hai bên bất hòa va chạm căng thẳng, cuối năm 2017 đầu năm 2018 chị H đã đưa 01 con chung của vợ chồng bỏ đi biệt tích, không để lại địa chỉ. Sau khi chị H bỏ đi, anh và gia đình tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có kết quả. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2021/QĐST-VDS ngày 25/5/2021, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã tuyên bố chị H là người mất tích. Do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Bùi Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 16/02/2013, Bùi Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/01/2018. Hiện tại anh đang nuôi con chung Bùi Nguyễn Quỳnh C, còn con chung Bùi Nguyễn Duy K khi chị H bỏ đi đã đưa con chung Bùi Nguyễn Duy K đi cùng hiện tại anh không có tin tức gì về cháu và chị H. Đề nghị Tòa án giao cho anh tiếp tục nuôi con chung Bùi Nguyễn Quỳnh C. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với con chung Bùi Nguyễn Duy K anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào có tin tức về con chung Bùi Nguyễn Duy K anh đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, Tòa án đã tuyên bố mất tích do vậy, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 143, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự: Xử cho anh Bùi Thanh T được ly hôn chị chị H. Về con chung: Giao con chung Bùi Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 16/02/2013 cho anh Bùi Thanh T nuôi dưỡng sau ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, không xem xét giải quyết. Đối với con chung Bùi Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/01/2018, hiện không có tin tức gì, không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Bùi Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Anh Bùi Thanh T khởi kiện xin ly hôn chị H; nơi cư trú cuối cùng: Thôn D, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Bùi Thanh T vắng mặt có đơn xin vắng mặt, chị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 xét xử vắng mặt anh Bùi Thanh T và chị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của anh Bùi Thanh T về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Từ cuối năm 2017 đầu năm 2018 chị H đã bỏ đi khỏi nơi cư trú cho đến nay không có tin tức gì. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2021/QĐST-VDS ngày 25/5/2021, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã tuyên bố chị H là người mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, T có quan điểm do tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Hương không còn, hôn nhân không có hạnh phúc đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị chị H.

[4] Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh T và chị H đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H là có cơ sở cần được chấp nhận để giải phóng cho anh T khỏi sự giàng buộc bởi quan hệ hôn nhân đối với chị H. Căn cứ vào Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Thanh T xin ly hôn chị H.

[5] Về con chung: Anh Bùi Thanh T và chị H có 02 con chung Bùi Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 16/02/2013, Bùi Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/01/2018. Quá trình giải quyết vụ án anh T đề nghị Tòa án giao con chung Bùi Nguyễn Quỳnh Chi cho anh nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại anh T đang nuôi con chung Bùi Nguyễn Quỳnh C. Tòa án đã tuyên bố chị H là người mất tích nên quan điểm của anh T đề nghị Tòa án giao con chung Bùi Nguyễn Quỳnh Chi cho anh T nuôi dưỡng sau ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với con chung Bùi Nguyễn Duy K từ năm 2017 đầu năm 2018 chị H bỏ đi khỏi nơi cư trú đã đưa con chung Bùi Nguyễn Duy K đi cùng cho đến nay không có tin tức gì về chị H và con chung Duy K. Anh T có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết do hiện tại không có tin tức về con chung Bùi Nguyễn Duy K. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết khi nào anh T và chị H có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Nguyễn Quỳnh C: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết sau này các bên có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[8] Về tài sản chung: Anh Bùi Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị H, Tòa án đã tuyên bố là người mất tích. Do vậy, Hội đồng xét xử không

giải quyết. Sau này nếu chị H trở về và có yêu cầu về tài sản chung, Toà án xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[9] Về án phí: Anh Bùi Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Thanh T và chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 16/02/2013 cho anh Bùi Thanh T nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với con chung Bùi Nguyễn Duy K, sinh ngày 01/01/2018, Hội đồng xét xử không giải quyết sau này hai bên có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Nguyễn Quỳnh C: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết sau này các bên có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết sau này các bên có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Anh Bùi Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ly hôn T đã nộp (biên lai thu tiền số 0004033 ngày 22 tháng 11 năm 2021) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Anh Bùi Thanh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo Bản án: Anh Bùi Thanh T và chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Lê Thiện (ĐKKH số 82/2012);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương

Bùi Thị Nhàn **Vũ Văn Thi**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Bắc Sơn (ĐKKH số 04/2013 ngày 23/01/2013);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương

nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lợi **Đỗ Văn Thư** **Nguyễn Thị Thu Hương**

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng.
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đại Bản (ĐKKH ngày 30/01/2012);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương